

TAM QUY & NGŨ GIỚI

CHÙA DƯỢC SƯ
Đức Trọng – Lâm Đồng

TAM QUY
& NGŨ GIỚI

Tỳ-kheo-ni HẢI TRIỀU ÂM thuyết giảng

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - HÀ NỘI
PL. 2560 – 2016

VIÊN DUNG VÔ NGẠI

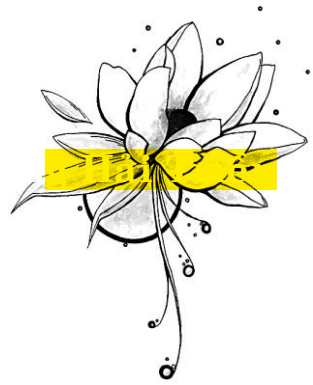
CẦU
PHƯỚC
CẦU
TUỆ
CẦU
SANH
TỊNH
ĐỘ



VÌ
NGƯỜI
VÌ
PHÁP
VÌ
CHỨNG
BỒ
ĐỀ

(1920 – 2013)

Nam mô Kim Quang tháp, Tào Động phái, Ma-ha Tỳ-kheo-ni
Bồ-tát-giới HẢI TRIỀU ÂM, tự Đại Thành, hiệu Bác Tế Từ Hòa,
thế danh Nguyễn Thị Ni Tôn sư thiên tọa hạ.



Tiền sử

Cố Đại Lão Sư Trưởng HẢI TRIỀU ÂM

Sư trưởng pháp hựu Hải Triều Âm, tự Đại Thành, hiệu Bác Tế Từ Hòa, thế danh Nguyễn Thị Ni, sinh năm 1920 tại tỉnh Hà Đông, nay thuộc thủ đô Hà Nội.

Thân phụ là một công chức người Pháp, cụ ông Etienne Catallan. Thân mẫu là một y sĩ người Việt, cụ bà Nguyễn Thị Đắc. Vì thế Sư Trưởng còn có tên thế tục tiếng Pháp là Eugénie Catallan.

Thầy sanh trưởng trong gia đình nề nếp gia phong, được huân ướp một đời sống đạo đức, lễ nghi của người châu Á. Kiến thức văn hóa, trí tuệ sâu rộng từ trường học Tây phương. Thầy đã có một lối sống khuôn phép nhưng khoáng đãng, lịch sự nhưng cương trực.

Lấy xong bằng tốt nghiệp Diplôme D'étude Primaire Suprieur Thầy đi dạy học. Ngay khi còn tại gia, Thầy đã biểu lộ lòng từ bi. Ngày ngày dạy học, ngoài thời giờ Thầy vào các bệnh viện, trại mồ côi, dưỡng lão để giúp đỡ an ủi động viên những mảnh đời bất hạnh.

Cơ duyên được biết Phật pháp là do Sư cụ Thích Tuệ Nhuận. Bài pháp đầu tiên được nghe Sư cụ giảng tại chùa Quán Sứ là kinh Lăng Nghiêm, phẩm Quán Âm Quảng Trần và chương Đại Thế Chí niệm Phật. Lãnh hội được sự vi diệu của Phật pháp đem lại niềm an vui

cho mọi người. Sau đó, Thầy thường in những cuốn kinh nhỏ phát cho các Phật tử tới chùa tụng kinh hằng ngày.

Quy y với Hòa-thượng Pháp chủ đương thời là ngài Thích Mật Ứng, được Ngài đặt cho pháp danh là Hải Triều Âm.

Thầy sáng lập gia đình Phật tử, mở các hội trưởng lão, thanh thiếu niên, nhi đồng ở Hà Nội, Hải Phòng. Ngoài ra Thầy còn viết bài cho tòa báo Bồ-đề của Sư cụ Thích Tuệ Nhuận, dưới bút hiệu là Thích Nữ Cát Tường Lan. Các bài pháp rất thực tế, đưa Phật pháp vào tư tưởng thanh thiếu niên trong thời đại giao thoa giữa Nho giáo và Tây học ở những năm cuối của thập niên 40, thế kỷ 20.

Năm 29 tuổi, thâm ngộ lẽ vô thường, phước thiện thế gian không thể đưa đến giải thoát. Thầy xuất gia với Hòa-thượng Thích

Đức Nhuận, ở Hà Nội (*Người sau này là đức Đệ Nhất Pháp Chủ GHPGVN*). Hòa-thượng cho y chỉ và thọ giới với Hòa-thượng Ni Tịnh Uyển, chùa Thanh Xuân, làng Phùng Khoang, Hà Nội.

Đến năm 1952, vâng lời Hòa-thượng Bốn Sư di cư vào Nam. Nhập chúng tại Ni trường Dược Sư, Gia Định, Sài Gòn. Vừa lo tu học, vừa hầu mẹ già bị bệnh bán thân, vừa lãnh việc chuyên giảng dạy cho Phật tử. Thầy tinh trì giới luật, nghe kinh Kim Cang lãnh ngộ được tông chỉ niệm Phật. Thầy tu quán Tứ Niệm Xứ để khai tuệ giác tỉnh, sở đắc về bộ kinh Lăng Nghiêm để khai tri kiến Phật.

Khoảng năm 1962, sau khi mẹ mất, vì muốn báo hiếu công ơn mẹ, Thầy nhập thất 5 năm ở chùa Vạn Đức, Thủ Đức, TPHCM. Những mong nhập Niệm Phật tam muội.

Năm 1968, Hòa-thượng Thích Thiên Tâm khai mở tông Tịnh-độ ở thôn Phú An, Đức Trọng, Lâm Đồng. Mời Thầy về để cùng một số Ni chúng thành lập xã Hoa Sen, noi gương Tổ Huệ Viễn. Nơi đây, Thầy nhập thất tại tịnh thất Linh Quang, chuyên tâm niệm Phật.

Năm 1970, Hòa-thượng Thích Thanh Từ mở lớp tu thiền 3 năm ở Thiền viện Chơn Không, Vũng Tàu. Thầy là một trong 10 vị khóa đầu được Hòa-thượng chiêu sinh. Thầy theo khóa học thiền để hỗ trợ cho công hạnh tu Tịnh-độ. Sau thời gian tu tập, Thầy ngộ được tôn chỉ “Tri vọng vọng tan, chính là quán hạnh Tứ Niệm Xứ”.

Năm 1973, Thầy trở về Tịnh thất Linh Quang, Lâm Đồng nối tiếp công phu tu niệm.

Nhưng từ hoài bi nguyện độ sanh không bỏ, Thầy bắt đầu độ chúng, lúc đó chỉ có vài chục

người. Đến nay đã thành lập 9 chùa Ni Liên, Linh Quang, Liên Hoa, Viên Thông, Hương Sen, Dược Sư, Lăng Nghiêm, Bát Nhã và Dược Sư 2. Đủ các căn cơ, già trẻ, lớn bé cho đến người tàn tật, trẻ mồ côi Thầy đều đưa tay tế độ, mong họ được kết duyên với Phật pháp. Phật tử quy y thì không biết bao nhiêu mà kể.

Mặc dù giác biết chúng sanh huyền có, vẫn dùng pháp huyền để độ chúng sanh. Ngày ngày lên lớp giảng dạy, từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, lời lẽ uyên bác, chỉ mặt phải, răn mặt trái. Nhắc đi nhắc lại, cặn kẽ từng lời, mong sao cho các con thấm nhuần kinh pháp. Lời giảng dạy của Thầy ai nghe cũng thấy đúng với tâm trạng của mình, hợp thời, hợp cơ, giản dị dễ hiểu, lại rất thực tế.

Đối với đại chúng, Thầy khiêm cung, giản dị, từ hòa. Nhưng nghiêm khắc đưa đại chúng

vào khuôn khổ giới luật, nội quy. Sửa trị những xấu ác, nhưng bao dung những lỗi lầm chỉ cốt cho đại chúng thành những bậc pháp khí trong Phật pháp. Thầy một lòng lo cho đại chúng, từ tinh thần đến vật chất, hy sinh sức khỏe thời giờ, tận tình từ đời sống tạm thời đến rồi đi, tới đời sống đạo vị lợi ích vĩnh viễn trong kiếp tương lai. Suốt ngày trọn đêm không giờ phút nào Thầy ngơi nghỉ trong bốn phận tự giác giác tha.

Tám gương vô ngã vị tha của Thầy, không lời lẽ nào kể hết được. Hạnh đức của Thầy đã gieo vào tâm thức chúng con những ấn tượng khó phai. Lúc Thầy ở Chùa Liên Hoa, Bình Thạnh, TPHCM, học chúng đổ về học pháp rất nhiều, không đủ chỗ, Thầy sửa lại phòng tắm làm chỗ nghỉ cho mình, nhường phòng mình làm chỗ ở cho đại chúng. Còn nhớ những ngày

đông giá rét ở xứ lạnh cao nguyên, ai ai cũng co ro lo tìm sự an ổn cho mình. Riêng Thầy, áo mền ấm áp nhường tất cả cho các con, ráp những tấm vải thô vừa nặng vừa chẳng đủ ấm làm phần của mình.

Thấy đàn hậu lai trí kém tuệ ít, Thầy toát yếu lại những bộ kinh Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Luật Tỳ-kheo-ni v.v... lời văn giản dị, xác thực để học chúng dễ nắm được yếu chỉ của kinh luật. Mắt đeo kính, dưới ánh đèn dầu, Thầy miệt mài đọc sách dịch kinh. Từng bộ kinh Hán văn dày cộm đầy những chữ với bộ óc tuổi già thật mỗi nhọc, Thầy vẫn hết sức cố gắng cặm cụi dịch sang Việt ngữ để đàn hậu lai có sách học tập. Thầy đã biên dịch, biên soạn, toát yếu hơn 100 đầu sách và in ấn không biết bao nhiêu mà kể. Bậc chân tu liễu đạo thường ẩn danh nên mỗi một

cuốn sách viết ra Thầy không để tên mình bao giờ, mà lấy tên của các đệ tử đặt vào sách (*sau này khi tái bản, chúng con đã mạn phép ghi tên Tôn Sư vào sách*). Ấn tống các kinh Di Đà, Phổ Môn, Dược Sư gửi khắp Bắc Trung Nam, để các Phật tử có kinh tiếng Việt. Mang bệnh giột cơ trên đầu mấy chục năm nhưng chưa từng vì đó mà nghỉ ngơi. Năm 1983, vì muốn làm cuốn Hai Cánh Nhà Ni cho các Tỳ-kheo-ni mới thọ giới nắm vững giới điều, Thầy đã thức suốt cả tháng.

Một lòng tôn kính Phật Pháp Tăng, gặp bất cứ hình tượng Phật nào Thầy đều thành kính đảnh lễ. Tận tình học pháp, nghiên cứu pháp, truyền bá giáo pháp, cả đời Thầy nêu cao tấm gương vì pháp quên thân. Đối với Tăng Ni, Thầy khiêm cung, kính trọng, dạy hàng đệ tử chúng con suốt đời phải thực hành

Bát Kính Pháp. Dạy chúng con nếp sống lục hòa, trên kính dưới nhường, lấy Giới Định Tuệ làm sự nghiệp chính của mình.

Thầy thường răn nhắc chị em phải tinh tấn tu hành để đền ơn thí chủ. Đời sống giản dị, tiết kiệm từng hạt gạo, tấm vải. Thường răn dạy chúng con không được phung phí vật dụng Tam-bảo, phải biết yêu tiếc như giữ tròng con mắt. Thầy kiệm đức kiệm phước trong từng hành động, 70 tuổi vẫn tự giặt áo, giăng mùng, không phiền nhọc một người hầu hạ. Mãi đến 80 tuổi, Phật sự đa đoan, tuổi già mỗi nhọc, Thầy mới cho hàng đệ tử chúng con trợ giúp. Đến khi già lão, thân suy yếu lại bệnh nhưng chưa bao giờ Thầy hiện tướng mỗi nhọc buồn phiền, gặp ai cũng nở nụ cười từ ái. Ai đến gần Thầy đều cảm nhận được sự mát mẻ từ bi, tất cả bao phiền não đều tiêu tan.

Bởi vì thấu đạt được chân lý “nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”, nên con sâu cái kiến, hàm linh bảo thức, các loài chúng sanh, đã có duyên với Thầy đều được thừa hưởng ân đức Thầy ban bố, được thấm nhuần pháp vị. Lòng từ bi của Thầy không chỉ nhân loại được hưởng mà thấm nhuần đến từng cỏ cây, loài vật. Với chúng sanh, đói Thầy cho ăn, khát Thầy cho uống, rét Thầy cho áo mặc, niệm Phật để nó kết duyên với Phật pháp từ đời này đến đời sau. Thầy răn dạy chúng con “đó chính là những huynh đệ chúng ta từ kiếp trước, chỉ vì một chút lỗi lầm phải đọa làm thân chó, nên các con phải tận tình thương xót”.

Xếp đặt cho các con trong hiện tại đã đủ mọi bề khó khăn, lại còn lo mai này, Thầy về cõi Phật, các con nương tựa vào đâu? Thầy làm chùa, xây dựng cho hậu lai nơi ăn chốn ở.

Nhưng thế sự vô thường, không bền chắc, chỉ có Phật pháp mới là nơi nương tựa vững vàng nhất. Thầy vì đàn hậu lai mở ra một đường lối tu hành rõ ràng. Năm 1988, Thầy viết một bài Di Chúc, để lại cho đàn hậu lai chúng con. Đó vừa là lời dặn dò, vừa là con đường tu hành của bản thân Thầy và cũng là kim chỉ nam chỉ lối đưa đường cho đàn hậu lai chúng con trên bước đường tu học.



Qua bao thăng trầm thế sự, Thầy vẫn như núi kia bất động trước cảnh đời dâu bể, vẫn cúi xuống tận lực đùm bọc che chở, nuôi dưỡng Thánh chủng cho hàng đệ tử chúng con. Sức an định của Thầy như núi cao bất động trước phong ba của tám gió. Trí tuệ của Thầy như trăng sáng chiếu soi, phá tan bao hắc ám của

đời sanh tử. Dù nói bao nhiêu cũng không đủ lời để tán dương hạnh đức Tôn sư.

Năm 2009 ngày 6 tháng 7 âm lịch, Thầy để lại bút tích như sau:

*Ký ca ký cớp
Đóng góp nên công
Nhẹ như lông hồng
Bay về Cực Lạc.
Hào quang sáng quắc
Vẫy gọi muôn phương
Cái bướm con mèo
Trời người muôn loại.
Mau mau tỉnh giấc
Thoát xác vô minh
Giải nghiệp hữu tình
Lên đường giải thoát.*

Bốn năm sau ngày Sư trưởng để lại bút tích. Mừng 4 tháng 4 năm Quý Tỵ (13/5/2013)

là ngày Vía đức Văn Thù Bồ-tát, cũng là ngày Kỷ niệm xuất gia lần thứ 64 của Thầy, một vầng hào quang rực rỡ xuất hiện trên đỉnh tháp khoảng từ 8 đến 12 giờ trưa.

Trước ngày vãng sanh, Thầy cho biết đã nhìn thấy đức A Di Đà, đức Văn Thù Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát cùng các Thánh chúng đến đón.

11 giờ 56 phút, ngày 31 tháng 7 năm 2013 (*nhằm ngày 24 tháng 6 năm Quý Ty*): Thầy thu thân thị tịch, hoa sen trắng thắm vãng trời Tây. Thượng thọ 94 tuế thế, 60 hạ lạp.

Thí chủ xây Kim Quang tháp cúng dường tại Ni viện Dược Sư, Đức Trọng, Lâm Đồng, nơi an nghỉ cuối cùng của nhục thân trần thế.

*Thần thức lên miền An Dưỡng,
Nghiệp chương bỏ lại trần lao.
Hoa khai chín phẩm sen vàng,
Phật rủ nhất thừa thọ ký.*

Trong suốt những ngày tang lễ đều có vầng hào quang xuất hiện trên đỉnh tháp, dưới sự chứng kiến của những người tham dự.

Liên tiếp các ngày tuần thất cho đến tuần chung thất, cũng đều có hào quang xuất hiện và mây ngũ sắc trên bầu trời.

Sư trưởng đã thị hiện vô thường, để lại niềm nỗi tiếc khôn nguôi cho hàng trăm, hàng ngàn đệ tử xuất gia và tại gia trên khắp thế giới.

Chúng con mạo muội viết lên ít dòng để nêu lên một phần nào công hạnh của Tôn sư, mong rằng những người hữu duyên được mong ân pháp vũ.

*Nam mô Kim Quang tháp, Tào Động phái,
pháp húy Hải Triều Âm, tự Đại Thành, hiệu
Bác Tế Từ Hòa, đại lão Sư trưởng giác linh.*

Chùa Dược Sư, ngày 7-7-2014

Trân trọng kính ghi

đền ơn pháp nhũ

Ý nghĩa
TAM QUY



Ý nghĩa
TAM QUY

Đức Phật kể chuyện: Ông trưởng giả có 4 người bạn. Với bạn I ông chiều chuộng. Muốn ăn được ăn, muốn áo được áo. Cho đến muốn đi chơi, ông cũng lo xe kiệu cho đi chơi.

Ông thương quý bạn II không rời. Hơi xa vắng ông liền sợ hãi lo âu.

Bạn III, ông coi như ruột thịt tay chân. Bạn vui, ông an tâm. Bạn buồn, ông chia sẻ. Mong cho bạn tất cả phú quý vinh hoa hạnh phúc.

Chỉ có bạn IV, nếu anh đến thì ông cũng tiếp chớ không đến nổi nào. Nếu anh không đến thì ông còn bận phụng sự ba người bạn kia, đâu có thời giờ để đi tìm anh.

Chợt vua cho lính tới bắt trưởng giả bỏ ngục. Bạn I tuyên bố bất lực chẳng giúp được gì. Bạn II lạnh như tiền, đi chơi với người khác. Bạn III khóc như mưa, đưa trưởng giả tới cửa quan. Lại khóc thương tha thiết nữa nhưng rồi cũng trở về nhà. Ai cũng có nỗi cơm phải nấu, manh áo phải may, đâu có thể đứng mãi đấy. Chi chi rồi cũng thành dĩ vãng, thành không. Chỉ có bạn IV len lỏi vào tới cung vua, xin cho trưởng giả trắng án.

Phật dạy tất cả chúng ta đều có bốn người bạn này. Bạn I là tấm thân yêu quý. Nó đòi ăn mặc, tắm rửa, đòi nhà cửa, giày dép... đòi cả trăm thứ. Nhất

nhất ta trọn đời tận tình phụng sự. Nay vâng lời Phật, chúng ta hãy nhìn lại xem, thân này là cái gì?

Hư không chẳng sáng thì tối. Tinh thần chúng ta chẳng tỉnh thì mê. Mê đến nỗi theo nghiệp vào tử cung mẹ. Uống máu tanh hôi, kết làm da thịt, thành bào thai tự nhận là thân thể. Mẹ do ăn cơm uống nước mới có máu cho ta. Nay ra khỏi bụng mẹ rồi, ta cũng ăn cơm uống nước, tự chế tạo ra máu để nuôi thân. Vậy toàn thân ta là máu, máu từ cơm gạo thành. Gạo từ cây lúa mà có, cây lúa từ đất mọc lên. Vậy cơm gạo tức là đất, ta mượn đất làm thân. Của đi vay ắt có ngày phải trả. Ai đã ăn cơm để sống quyết có ngày phải trả thân về đất. Ta gọi chết là đại hạn.

Bạn II là tiền bạc. Trọn đời chúng ta lo kiếm tiền. Đồng tiền là nơi nương tựa.

Không có tiền, chúng ta lo âu sợ hãi, nhưng tới ngày đại hạn, đồng tiền làm gì cho ta? Nó lạnh lùng sang tay người khác.

Bạn III là cha mẹ, vợ chồng, anh em, con cháu, họ hàng, bạn bè. Tên nó là Tình Ái. Thiếu tình ái, người thế gian cho là bạc phước, cô độc, không nơi nương tựa. Nhưng hỡi ngày đại hạn, con cháu làm gì cho cha mẹ? Chúng nó đau xót lắm, nước mắt như mưa, đưa cha mẹ tới mộ địa, chấp tay ba xá. Nhất từ vạn kiếp chia ly, vĩnh viễn không bao giờ gặp nhau nữa.

Bạn IV là tâm từ thiện. Vua Diêm Vương thấy trong tâm thức chúng ta lấp lánh ánh sáng từ thiện thì đâu dám bắt. Hẳn phải vội vàng đón rước cung nghênh tiễn thỉnh lên cảnh giới Thánh Hiền.

Thiện ác tuy từ tâm khởi nhưng phải đợi các duyên tịnh nhiễm. Chúng ta đã mê muội đến nỗi chui vào tử cung mẹ, hút máu nhơ, quỵện chặt làm thân. Ngạc nhiên gì chẳng thiếu sáng suốt đến nỗi Thiện thấy ra Ác, Ác thấy ra Thiện. Đức Phật xuất thế để nhắc nhở chúng ta quan tâm đến bạn IV.

Ngài vạch sẵn cho chúng ta một con đường gọi là đạo Phật. Đạo là tiếng Tàu. Việt Nam dịch là đường đi. Phật là tiếng Ấn Độ. Việt Nam dịch là giác tỉnh, là sáng suốt, là trí tuệ.

Từ Sài Gòn lên Đà Lạt, chúng ta đi nhanh chóng dễ dàng lại quyết chắc đến nơi vì đã có một con đường vạch sẵn. Đường đời như thế, đường đạo cũng vậy. Nhưng đường đời ở ngay trước mắt. Còn đường đạo ở đâu? Ai cũng biết đạo Phật tu tâm. Tâm không hình không sắc

nhưng thật vẫn hiện tướng trên lời nói và hành động. Vâng lời đức Phật, chúng ta dùng khẩu nghiệp và thân nghiệp để luyện tâm.

Người theo đạo Phật, miệng không nói dối, không hai lưỡi, không thêu dệt, không ác khẩu. Chỉ nói lời hòa nhã chân thật, trí tuệ và từ bi.

*Miệng ta như đóa hoa sen,
Mỗi khi hé mở một phen thơm lừng.
Tiếng ta như tiếng chuông ngân,
Vang vang cảnh giác xa gần khắp nơi.*

Phật dạy: Không được sát sanh. Con gà cũng như ta, ăn bằng miệng, đi bằng chân, nhìn bằng hai mắt, nghe bằng hai tai. Cũng ruột gan tim phổi, khác gì chúng ta? Ta có phước hơn nó nên có sức mạnh và khôn ngoan hơn. Nếu dùng phước này để bắt nạt, cướp thịt xương nó, vui miệng trong chốc lát. Phước sẽ

thành tội. Mai đây sẽ như nó, đem thân đền nợ miệng thiên hạ. Người trí tuệ sáng suốt dùng phước đức để hộ sanh phóng sanh nên phước đức còn hoài. Vậy đệ tử Phật không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không uống rượu. Rượu tuy làm bằng ngũ cốc trái cây nhưng khiến mê say. Mê si là gốc ác nên người học Phật, một giọt cũng không thấm môi.

Tóm lại, từ vô thủy chúng ta đã lầm lạc nên nay quay về nương tựa Phật, Pháp, Tăng, gọi là quy y Tam-bảo.

(*Quy*: quay về;

Y: nương tựa;

Tam: ba;

Bảo: báu).

PHẬT nói đủ là Phật-dà. Tàu phiên âm là Bồ-đề. Anh phiên âm là Boddhi. Pháp là Bouddha. Việt Nam xưa gọi là ông Bụt.

Bậc hoàn toàn trí tuệ vì đã dẹp sạch vô minh vọng tưởng, trở về sống với chân tâm bản tánh thường trụ ở khắp pháp giới. Ngài đã khám phá ra chân lý là tánh Phật, tất cả chúng sanh bản chất sẵn đủ.

PHÁP gốc chữ Phạn là Dharma, tức là những phương pháp tu hành, Phật đã phát minh để giúp chúng ta ra khỏi đường mê. Pháp gồm ba tạng Kinh, Luật, Luận.

TĂNG phiên âm từ chữ Phạn Shanga. Tàù dịch là hòa hợp chúng, nghĩa là một đoàn thể tu hành từ bốn người trở lên, cống hiến trọn đời học pháp để thành Phật.

Trước hết chúng ta quy y **TRỤ TRÌ TAM BẢO**.

Trụ trì Phật bảo: Là xá lợi Phật hoặc hình tượng Phật để nhớ tới đức Thích Ca

Mâu Ni đã hiện thân ở xứ Ấn Độ. Một vị Phật bằng xương bằng thịt, đã ghi một nét son rực rỡ trong lịch sử nhân loại, về nếp sống thanh cao, đạo hạnh tuyệt vời, chứng tỏ một trí tuệ không thể nghĩ bàn.

Trụ trì Pháp bảo: Kho tàng giáo điển đầy đủ để giáo hóa từ thấp lên cao cho tất cả căn cơ, sở thích, hoàn cảnh, dắt dẫn từng bước, từ sơ tâm đến vĩnh viễn giải thoát an vui.

Trụ trì Tăng bảo: Tăng là hòa hợp. Học chúng ba thừa hòa hợp chung sống, đồng lấy việc tu rốt ráo giải thoát làm lý tưởng và mục đích. Tam thừa Thánh chúng, Thầy hiền bạn tốt, ai biết quay về nương tựa, thật là đại hạnh.

Ngôi Trụ trì Tam-bảo dạy chúng ta quỳ gối chấp tay ngưỡng cầu ngôi XUẤT THỂ TAM BẢO.

Phật bảo xuất thế gian: Mười phương ba đời tất cả những bậc chánh giác, đã đầy đủ lục độ vạn hạnh. Nhập diệu trang nghiêm hải tức là từ bi cứu cánh (Giải-thoát đức). Viên mãn Bồ-đề nhất thiết chủng trí, tức trí tuệ cứu cánh (Bát-nhã đức). Quy vô sở đắc, kế hợp tánh chân bản hữu, tức là chân lý cứu cánh (Pháp-thân đức).

Hiện tại các Ngài thường trụ ở khắp mười phương. Tuy không hình không tướng nhưng oai thần cứu độ chúng sanh không lúc nào ngơi nghỉ.

Pháp bảo xuất thế gian: Là những công năng cõi gỡ vô minh, đưa chúng sanh lên Thánh địa. Vọng tâm là căn bệnh chính phát khởi phiền não, thúc đẩy ngũ dục, che mờ lương tri, khiến chúng sanh không thể nhận định chánh tà, thật giả, thiện ác. Phật sáng kiến ra những pháp

quán như số tức để an hòa thân tâm. Bất tịnh, từ bi, nhân duyên, 18 giới v.v... dùng lý giải khai trí giác tỉnh. Lại phát minh những phương pháp thực hành, dùng sự việc để hiển lý tánh như: Lục độ, giới luật, bốn vô lượng tâm v.v... Khiến mỗi Phật tử đủ phương tiện khí cụ, thực hiện hoài bảo tự giác giác tha, sớm đạt tới giác hành viên mãn.

Tăng bảo xuất thế gian: Các Thánh Tăng và các Bồ-tát đã thực hiện chương trình độ sanh vĩ đại của đức Phật, đã đạt tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đang cùng Phật kiến lập một nền giáo dục xuất thế, cho vạn loại hữu tình ở khắp pháp giới.

Nương ngôi Tam-bảo trụ trì, chúng ta tìm học ngôi ĐỒNG THỂ TAM BẢO để viên mãn pháp Tam quy, nghĩa là có lợi ích thiết thật trên đường giải thoát.

Phật bảo đồng thể: Tức là tánh thấy nghe hay biết, không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm. Mây mù chỉ che khuất chớ không tiêu diệt được vầng trăng. Gió thổi, mây tan, trăng vẫn sáng rõ. Phật tánh bị vọng tưởng, ác nghiệp, báo chướng trở ngại không thể hiển xuất diệu dụng. Nhưng vẫn thường còn bất biến. Chúng ta học Phật, như pháp tu hành, sẽ phát huy vô biên công đức.

Pháp bảo đồng thể: Từ bi hỷ xả, trí tuệ bình đẳng, nhẫn nhục thanh tịnh, tinh tấn, bố thí... đâu có thể mượn ở bên ngoài. Tâm chúng ta hằng sa tánh đức, chỉ cần đúng như lời Phật dạy mà khai thác thì cả pháp giới hữu tình đều được chung hưởng.

Tăng bảo đồng thể: Biết vạn pháp duy tâm. Biết tâm là chủ nhân ông trong

pháp giới nên vận trí trở về chân lý cho đến khi Trí Lý hòa hợp đồng nhất.

Quy y đồng thể Pháp bảo là quay về nương tựa tâm mình. Quy y đồng thể Phật bảo là khai vận trí tuệ, phát huy giác ngộ. Quy y đồng thể Tăng bảo là đem chân trí soi chân lý. Sống hòa hợp với lẽ phải nên hằng thanh tịnh. Như thế Phật Pháp Tăng không ngoài tâm ta nên cũng gọi là NHẤT THỂ TAM BẢO.

Phật pháp lấy Nhất thừa làm cứu cánh. Đạo pháp Nhất thừa quan trọng ở chỗ tu nhân. Nhân khai phát trọn vẹn, đạt mục đích cứu cánh là chứng nhập Pháp-thân. Phật tánh là chánh nhân. Tu học là duyên nhân. Trí giác ngộ là liễu nhân.

Quy y Tam-bảo đích thực là quy y tự tánh chúng sanh. Chỗ thâm diệu của

Phật Pháp khác với tất cả ngoại đạo chính ở chỗ này. Ngoại đạo chủ trương nương tựa một oai quyền ở ngoài. Phật giáo dạy quy y bản tâm sẵn có của mình, hồi quang phản chiếu Như Lai Tạng Tánh.

Phật tử phải quy y cả ba ngôi trụ trì, xuất thế và đồng thế. Như lấy đức tướng Phật đối chiếu thân tướng mình. Lấy lời Phật dạy soi sáng tâm mình. Lấy Tăng làm mô phạm cho hành vi cử chỉ của mình.

Đức tướng Phật trang nghiêm, xét thân tướng mình làm sao sai khác? Pháp Phật từ bi hỷ xả, bình đẳng giải thoát. Phản chiếu lại tâm ta đã thể hiện được chút nào? Tăng cất ái từ thân, ly trần đoạn dục, miên mật chỉ quán, trọn đời phụng sự đại nghĩa. Còn ta phàm tâm tục hạnh đã đoạn xong chưa?

Nếu chỉ quy y Pháp và Tăng hoặc chỉ quy y Phật và Pháp gọi là phiến diện quy y, không viên mãn pháp quy y. Nếu thâm tâm cung kính Phật, do căn bản từ Phật mà quy y Pháp, quy y Tăng thì vẫn đủ Tam quy. Ba ngôi Phật, Pháp, Tăng như ba chân của cái đỉnh, không thể thiếu một.

Hòa-thượng Thích Đức Niệm viết lời Tựa, kinh Thắng Man:

Trăm sông chảy về bốn biển nhưng nước biển chỉ có một vị mặn. Phật dạy trăm ngàn pháp môn nhưng giáo pháp chỉ có một vị giải thoát.

Phật ra đời không ngoài mục đích “khai thị ngộ nhập Phật tri kiến” cho chúng sanh. Nhưng vì căn cơ mỗi người mỗi khác nên Phật đã quyền tạm chia Nhất thừa thành **ngũ thừa, tam thừa.**

Khiến tất cả nhân dân tùy trình độ đều được hưởng ích.

Vừa giác ngộ, dưới gốc cây Bồ-đề, Phật nói kinh Hoa Nghiêm làm đề tựa một đời giáo hóa. Cuối cùng Ngài kết luận bằng kinh Đại Niết Bàn. Trước sau vẫn chỉ một vấn đề: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nên đều có khả năng thành Phật.

Lời nói của Ngài đã thể hiện. Trải 3000 năm lịch sử, ai theo giáo pháp tu hành đã thành Thánh quả. Như ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, từ xưa tới nay có tới ngàn vạn. Bên nữ cũng có bà Đại Ái Đạo, Liên Hoa Sắc v.v... Thậm chí những đại ác như Đề Bà Đạt Đa, A Xà Thế, Vô Não, v.v... cuối cùng đều có phân giải thoát. Các vương tử trọn đời vui nghiệp kiếm cung. Một khi biết tới đạo Phật, đã trở thành hiền nhân quân tử.

Như vua A Dục của Ấn Độ, Đường Thế Tông bên Tàu, Thánh Đức Thái tử xứ Nhật Bản. Đời Trần đời Lý, Việt Nam lấy đạo Phật làm quốc giáo, ngọn đèn đạo đức được thắp sáng, đã tạo thành một thời thịnh trị huy hoàng.

Phật pháp mục đích đem giải thoát cho tất cả chúng sanh. Nhưng cảnh vui cõi trời gây mê quá nặng. Nỗi khổ tam đồ tê liệt kiệt quệ hết khả năng. Duy chỉ có loài người đủ trí tuệ phát tâm Bồ-đề và có hoàn cảnh tu hành tiến tới Phật quả. Mất thân người rồi khó nói đến giải thoát.

Bước đầu vào đạo Phật là Tam quy Năm giới. Liệt vị Tổ sư đều công nhận: Tất cả biển khổ thế gian ngoài pháp Tam quy không cách nào cứu vớt. Tất cả an vui thế gian và xuất thế gian đều từ Tam quy ngũ giới mà kiến lập.

Tam quy ngũ giới là hai bước đầu tiên của chiếc thang chánh pháp đưa chúng ta lên lầu Vô-thượng-giác.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.



NGŨ GIỚI



NGŨ GIỚI

Đạo Phật có năm trình độ tu hành gọi là ngũ thừa:

I. NHÂN THỪA: Giữ 5 giới:

- 1. Không giết hại.**
- 2. Không trộm cướp.**
- 3. Không tà dâm.**
- 4. Không nói càn.**
- 5. Không uống rượu.**

Giữ được năm điểm này thì hiện đời thân người mà tâm cũng thật phẩm chất người. Nếu không giữ đủ năm giới thì kiếp sau sẽ đọa lạc về ba đường khổ là địa ngục, ngã quý, bàng sanh.

II. THIÊN THỪA: Tu 10 thiện:

- a) Thân không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm.
- b) Miệng không nói dối, không hai lưỡi, không thêu dệt, không độc ác.
- c) Tâm không tham, sân, tà kiến.

Sau được sanh lên cõi trời.

III. TIỂU THỪA: Tu 4 trí tuệ quyết định:

- a) Biết thế gian luân hồi là biển khổ.
- b) Biết gốc khổ là do các phiền não tham sân si.
- c) Trừ sạch gốc khổ sẽ hết quả khổ, hưởng vui Niết-bàn.
- d) Tám chánh đạo là phương pháp diệt khổ luân hồi, chứng A-la-hán.

IV. TRUNG THỪA: Quan sát 12 nhân duyên là đường sanh tử. Ngược chiều sẽ chứng Bích Chi Phật.

V. ĐẠI THỪA: Minh tâm kiến tánh thành Phật.

Thân chúng ta là một bao máu mủ tanh hôi. Hàng ngày hai mắt ra ghèn, hai tai ra ráy, hai lỗ chảy mũi, miệng ra đờm dãi, chân lông ra cáu ghét mồ hôi, hai đường dưới ra phân tiểu. Thân đã nhơ nhớp lại vô thường. Sanh già bệnh chết đau khổ. Sáu căn lãnh thọ cảnh trần, vinh nhục buồn vui nhọc nhằn cay đắng. Nhưng tương đối với địa ngục, ngã quỷ, bàng sanh thì thân người là cõi thiện, là quý báu vô ngần. Nướng thân người, chúng ta có thể tiến tu quả Thánh, vĩnh viễn thoát khổ.

Đọa lạc rồi cầu trở lên khó vô cùng. Phật ví như rùa mù trong biển cả mong gặp bọng cây. Thân người khó được như thế mà lại không bền. Bất chợt một cơn

gió độc, một bệnh hoạn, một sẩy chân vấp ngã... thế là vong mạng. Vậy nay đang được thân người, biết dùng nó làm bàn đạp tiến lên quả vị Thánh Hiền là có trí tuệ sáng suốt. Ngược lại thì khác gì kẻ đang ôm cái phao nổi ở giữa biển mà không cố gắng bơi vào bờ. Hẳn chỉ có nguy hiểm đợi chờ. Phật dạy đây là việc cần gấp như cứu đầu mình đang bị cháy. Không thể đợi lửa mà đi, đợi có thời giờ thong thả sẽ dập tắt.

Không giết hại, đời sau được quả báo sống lâu khỏe mạnh; không trộm cắp, đời sau giàu có, của cải không bị xâm hại; không tà dâm, đời sau thân tướng đoan chính; không nói càn, mọi người kính tin; không uống rượu, trí tuệ thông minh. Tròn năm giới, chẳng những kiếp sau được thân người mà còn đủ 5 điều kiện hạnh phúc an vui. Nếu có khả năng tu

lên, càng tiến càng hay. Ngũ giới là căn bản, là thêm bậc thiết yếu của tất cả an ninh thế gian và xuất thế gian. Các Phật tử cần tự kiểm điểm. Nếu còn khiếm khuyết phần nào hãy lập tức tu sửa kịp thời. Mất thân người rồi, bao giờ lại có dịp tu hành. Liệt vị Tăng Ni có trách nhiệm chỉ bảo, nhắc nhở, khuyến tiến, để các Phật tử sống đúng chánh pháp.

Tạo nghiệp ác, rơi xuống ba đường dưới là điều đáng tiếc vô cùng, đáng thương lắm lắm. Phật, Bồ-tát đành không phương cứu vớt.

Hòa-thượng Thanh Từ dạy: “Đạo Phật cứu người ngay từ lúc gieo nhân khổ chớ không phải chỉ cứu quả khổ. Song khi cứu quả khổ ta được mang ơn còn khi cứu nhân khổ ta thường bị người đời oán ghét”.

Hòa-thượng Quảng Bá dạy: “Phật đặt ra giới luật vì thương các con. Như đứa trẻ mù lại hay nghịch dại, ra đường chơi sẽ bị xe chẹt. Mẹ đặt chân song ngăn cửa, khiến con an ổn trong nhà, đợi có thuốc hiệu nghiệm sẽ giải bệnh cho con, khiến được vĩnh viễn an vui.

Tất cả sáu đạo chúng sanh đều được thọ tam quy. Các Bồ-tát lăn lộn kết duyên với các nẻo luân hồi, đưa kẻ lạc hướng trở về chánh đạo. Địa ngục khổ suốt đêm ngày, đau đớn bức bách liên miên, khó khăn có được một tướng niệm Thánh đức. Nếu có thể quy y Phật liền được hào quang tiếp dẫn. Súc sanh cũng như quỷ thần, tình nhiều tướng ít, hoàn toàn chịu nghiệp thức kích thích, đấm đuổi ăn ngủ, chơi giỡn, dâm dục, sân nộ, không thể lóe một ánh sáng thiện từ, huống còn nói đến năng lực tự biết tự

tri. Ngưỡng cửa sa đọa dễ vào bao nhiêu thì đi ra cũng khó bấy nhiêu.

Duy chỉ loài người trở lên mới có trí tuệ thọ trì giới luật. Những ai đã thọ năm giới nên vui mừng, tự biết mình có ngọc báu trong tâm. Cẩn thận, cẩn thận lắm mới được! Sơ ý một chút, một lời nói lỗi lầm cũng đủ vĩnh kiếp khốn khổ.

Luật Sadi kể chuyện: Một Tam tạng Pháp sư, nhân nghe một Tỳ-kheo già lão tụng kinh, giọng ô ề, liền giễu cợt: “Ông tụng kinh như chó sủa”. Chỉ vì buông một lời nói không đâu như thế mà phải làm chó 500 đời liên tiếp. Thân cuối cùng vì ăn vụng bị chủ chặt cả bốn chân, ném vào hố rác. Ngài Xá Lợi Phất đi qua, cho chó ăn cơm, thuyết pháp thức tỉnh. Chó chết, đầu thai vào nhà trưởng giả. Lên 7 tuổi, thấy ngài Xá Lợi Phất đi khất thực, mời vào nhà, xin cha mẹ cho xuất gia

theo ngài. Sau chứng quả A-la-hán. Nếu không phải là bậc thiện căn phúc đức sâu dày thì biết bao giờ mới có ngày ngóc đầu lên được.

Phật đặt ra lệ Bồ Tát vì con người bạc phước hay quên, khó khăn giữ được thiện nguyện. Mỗi tháng hai kỳ, ngày rằm trăng sáng và 30 trăng tối, các đệ tử đã thọ năm giới phải đến chùa cầu nghe giới. Bồ tát, Tàu dịch là Trưởng Tịnh (trưởng dưỡng công đức, tịnh trừ phiền não), là ngày ta xem lại giới phẩm của ta. Nếu lỡ có khiếm khuyết phải sám hối ngay. Chớ có lười biếng buông lung coi thường. Tánh đức tuy ai cũng ngang bằng Như Lai song vọng thức đã sanh vọng tình, biến đủ 84.000 trần lao phiền não. Chỉ trừ Bồ-tát giảng thế còn ai cũng mê cả. Tâm mê dễ phát nghiệp. Cũng mang tai mắt con người đấy nhưng khác nhau xa

lắm. Có cái thân thấm nhuần đạo đức. Mỗi lời nói mỗi cử chỉ là một Thánh sự. Có cái thân trần phàm ma quỷ. Lòng ngực chứa toàn tham sân tà kiến. Nếu không có giới luật của Phật thì hầu hết chúng ta đều thuộc loại số 2. Kinh dạy: Đại thừa Bồ-tát mới thật sự là Phật tử. Xuất gia mới hướng về Thánh quả chỉ là danh tự Phật tử.

Chăm sóc hồi, chăm nghe giới như trồng cây chăm làm cỏ, chăm vun tưới. Hàng ngày không thấy cây lớn nhưng ngày qua tháng lại sẽ có hoa thắm đầy cây, quả ngọt trĩu cành. Cứ thủ thường mà đều đều bước. Không tham lam vội vàng cầu nhiều giới. Quá lực không giữ nổi sanh chán nản dễ sa đọa. Chưa từng thấy trời đất có 5 - 6 tháng xuân một lúc, để lại cho cây nghỉ khai hoa vài mùa. Thiếu nhịp nhàng điều hòa,

đời sống không thể vững lập. Giới đức cũng vậy. An nhàn thư thái mà tu hành. Còn ở tại gia, chớ tưởng mình xa Thánh đạo. Cốt yếu giữ vững đường chính. Sĩ nông công thương đều là Bồ-tát nghiệp. Tài thí, pháp thí, bao nhiêu cơ hội hành đạo. Đã có giới lại phát tâm quảng đại từ bi thì có thể tiếp dẫn cho cả chư thiên bách thân. Biết vậy để mà cố gắng, chẳng nên cậy mình, khinh người chưa thọ giới.

Giới có 5 khoa:

I. *Giới pháp*: Của đức Tỳ Lư Giá Na.

II. *Giới thể*: Do Thầy truyền trao. Hoạn nạn nguy hiểm dù mất thân cũng không bỏ. Lấy giới làm thể chất mạng sống nên gọi là giới thể.

III. *Giới tướng*: Hành động nói năng, oai nghi đúng pháp.

IV. Giới hạnh: Ông quan không làm phận sự thì bị cách chức. Thọ giới không thật hành thì mất giới.

V. Giới phẩm: Chức sắc, phẩm tước xuất thế gian.

Kinh Quán Đỉnh và Luận Pháp Uyển Châu Lâm chép danh hiệu 25 giới thân:

I. Năm thân hộ giới không giết hại:

- 1. Sái Sô Tỳ Dũ Xa Ni trừ tà ác yêu tinh.**
- 2. Du Da Lợi Du Đà Ni ủng hộ sáu căn mạnh đủ.**
- 3. Tỳ Lô Già Na Ba điều khiển bình hòa 5 tạng (tim, gan, phổi, thận, lá lách).**
- 4. A Đa Long Ma giúp huyết mạch lưu thông.**
- 5. Ba Na Hoàn Ni Hòa Ba bảo hộ tay chân và các móng.**

II. Năm thần hộ giới không trộm cắp:

1. Đề Ma A Tỳ Bà Đà khiến ra vào đi lại được an ninh.
2. A Tu Luân Bà La Đà ủng hộ cho ăn uống ngon miệng.
3. Bà La Ma Đàn Hùng Thư hộ vệ giấc ngủ an ổn.
4. Bà La Môn Địa Bộ Đa trừ các thứ sâu độc, khiến các loài có nọc độc tránh xa.
5. Na Ma Hu Đá Da Sa trừ các thứ độc sương gió nắng mưa.

III. Năm thần hộ giới không tà dâm:

1. Phạt Đà Tiên Đà Lâu Đá trừ khẩu thiệt.
2. Bế Xà Na Tấu Đa Xa trừ quý ôn dịch.
3. Đát Mễ Hê Đà Đa Đa giúp các việc quan lại được hanh thông.

4. A La Đa Lại Đô Da hộ trì nhà cửa.
5. Ba La Na Phật Đà bình định tám thần trong nhà.

IV. Năm thần hộ giới không nói càn:

1. A Đề Phạm Dĩ Xan Da trừ ác quỷ ở mồ mả.
2. Nhân Đài La.
3. A Đà Lam Thi Bà Đa trừ thần ngoại khí.
4. Phật Đàm An Na Đa Đa trừ hỏa tai.
5. Đa Lại Xoa Tam Hát Đà trừ trộm cướp.

V. Năm thần hộ giới không uống rượu:

1. A Ma La Tứ Đâu Hy trừ hổ lang.
2. Na La Môn Là Đâu Đế giúp tránh thần chết.
3. Tát Bê Ni Càn Na Ba khiến các tiếng kêu của cú, cáo v.v... không làm tổn hại.

4. **Đô Bộ Xà Tỳ Xá La** trừ những biến quái của chó chuột.
5. **Dà Ma Tỳ Na Xà Ni Khư** đề phòng các quan âm ghi chép.



Ngày xưa ngày xưa, ở một nước kia, nhà vua bắt buộc nhân dân phải giữ năm giới. Một người bạn ở nước khác về chơi, vô tình đem một chai rượu biếu Lam Xoa. Lam Xoa nể bạn, cùng nhau ăn uống. Tai vách mạch rừng đem chuyện đến vua. Lam Xoa bị trục xuất ra khỏi nước.

Lang thang đi mãi, tới mé rừng nọ, trời sụp tối. Cây cối như thêm rậm rạp trong bóng đêm chập trùng.

May sao, xa xa le lói ánh đèn. Mừng quá, Lam Xoa vội tới gõ cửa xin ngủ đờ.

Có tiếng trong nhà vọng ra: “Đây là nhà yêu tinh. Nó mà thấy thì ông mất mạng”. Giật mình, Lam Xoa vội lùi bước. Rừng sâu thăm thẳm mịt mù. Biết chỗ nào không có hùm beo rắn rết. Lam Xoa trở lại, liều gõ cửa. Chủ nhân là một công chúa bị yêu tinh bắt về làm vợ đã mấy năm. Cô cho Lam Xoa ăn no. Gần tới giờ yêu tinh về, cô bảo Lam Xoa ngồi vào trong một cái cồng lớn. Cô đập nắp những lo yêu tinh đánh hơi biết được thì nguy to. Dong đèn chờ yêu tinh mãi tới sáng, chẳng thấy yêu tinh về. Công chúa mở nắp cồng cho anh chàng tốt số trèo ra.

Tiền khách nắm cơm ít muối xong, cô quay vào lo việc nội trợ. Đến tối yêu tinh về, công chúa hỏi: Sao bữa qua không về? Đáp: Hôm qua trong nhà có đệ tử Phật, người này đã thọ giới, mấy chục

ông thân theo hộ nên tôi không dám vào. Từ nay chớ cho đệ tử Phật vào nhà, kẻo tôi mất về đây!

Đi mãi vẫn chẳng ra khỏi rừng, Lam Xoa nghĩ: “Ta nên trở lại rủ công chúa đi tìm cha mẹ”. Gặp lại Lam Xoa, công chúa kể chuyện yêu tinh sợ anh vì anh là đệ tử Phật. Lam Xoa mừng lắm, mang ngay điệp phái ngũ giới có dấu son đỏ chói lóa mắt, dán ở ngoài cửa. Yêu tinh biết điều thì chớ có bén mảng! Anh khuyên công chúa cùng anh kết nghĩa vợ chồng rồi cùng nhau đi tìm cha mẹ. Anh chọn con gà to nhất của yêu tinh, làm thịt để tế tờ hồng, cầu trời đất chứng minh. Công chúa lấy vàng bạc của yêu tinh ra, cùng nhau bàn tính phần nào tậu ruộng, phần nào làm nhà.

Vô tình, hữu tình ở cõi Ta Bà lặng lẽ chuyển biến, sát na sát na sanh, sát na

sát na diệt, bóng tối nhẹ nhàng phủ kín non sông. Yêu tinh gọi cửa. Tiếng the thé như gió thét trong rừng khuya. Hốt hoảng, Lam Xoa chạy tọt vào cống. Công chúa vội đập nắp. Định lê ra mở ngõ nhưng sợ quá, ngã lăn xuống đất, chết ngất. Yêu tinh nóng ruột, đấm cửa tưởng vỡ nhà.

Trong chum, Lam Xoa suy nghĩ không biết làm sao yêu tinh lại dám về. Lá điệp ngũ giới rõ ràng anh đã dán kỹ ở cửa. Giới thần đâu mà để cho yêu quái hoành hành như vậy?

Nghĩ tới giới thần, anh sực tỉnh. Anh đã phạm những gì? Dĩ vợ người làm vợ mình, dù là vợ yêu tinh, cũng là bất chính (tà dâm). Rủ nhau chiếm đoạt của yêu tinh (ăn trộm). Bàn tay anh đã nhuộm máu gà (giết hại). Miệng anh đã nhiều lời không đúng sự thật khi tự

thuật về thân thế với công chúa (nói dối). Còn giới cấm uống rượu thì anh đã phạm từ ở nhà. Vậy còn giữ được giới nào mà mong thần ủng hộ? Anh toát mồ hôi. Cái chết cầm chắc trong tay, cái chết đê hèn xấu xa, dưới bàn tay yêu quái, vì sát đạo dâm vọng.

Năm điều trong trắng anh vẫn giữ từ tấm bé. Mà nay, phút chốc mê si, anh đành để ma tà cắt đứt đời sống đang tuổi xanh tươi khỏe mạnh. Hình ảnh mẹ anh hiền hậu ngời niêm Phật. Khói nhang nhẹ cuốn trên bàn thờ. Đêm nay, giờ khắc này, mẹ đang cầu nguyện cho con...

Anh hối hận vô cùng. Kiếp này đành lỡ. Chết là đáng! Anh không khóc, chửi tử cường tráng vụt nở bùng. Anh thề đời đời kiếp kiếp sẽ giữ tròn giới luật, đời đời kiếp kiếp tu Bồ-tát nghiệp. Quyết

mang hết tâm lực cứu giúp thức tỉnh những ai còn lạc hướng. Nguyện rồi, thư thái, anh nhắm mắt niệm Phật, đợi giờ trả nghiệp. Anh niệm Phật thật lâu, lâu lắm, tha thiết niệm, không bận lòng gì đến thời khắc hoàn cảnh.

Ngoài rừng chim ríu rít gọi đàn. Muôn vật tưng bừng đón ánh bình minh, quên hẳn những lo âu của đêm tối. Anh lấy làm lạ. Sao yêu tinh chưa vào? Anh nâng nắp cúng đứng dậy.

Trên bàn, mâm lễ tơ hồng vẫn còn nguyên. Công chúa nằm xoài dưới đất. Cửa ngõ vẫn đóng. Lam Xoa chợt hiểu. Đồng thời, lúc anh tỉnh ngộ sám hối, giới thân đã trở về. Ma tà phải tránh. Nhờ nghĩ tới giới hạnh nên anh đã thoát nạn yêu tinh, lại được nối tiếp đời sống trong trẻo, sáng tươi, cường dũng. Anh lấy nước gừng đổ cho công chúa tỉnh, nói

cho công chúa biết chí nguyện của mình. Công chúa xin anh đưa đến nơi có Tam bảo để được quy y ánh sáng trí tuệ thanh tịnh và từ bi.

Đổi niệm phu thê thành tình huynh muội, hai anh em mở cửa phóng sanh cho dê heo về rừng. Vòm trời xanh thăm thẳm, lấp lánh những tia nắng kim cương. Tay không, lòng vui vẻ, hai người con Phật nhanh chân trên bước đường về. Dưới khí ấm của mặt trời, trên hơi mát của nước trong, vài chiếc lá non nhỏ nhỏ màu ngọc thạch báo trước một mùa sen mới sẽ khai hoa.



Một thuở nọ, đức Thế Tôn an cư ba tháng tại tinh xá Kỳ Hoàn, ở thành Xá Vệ cùng với các đại Tỳ-kheo. Một đêm, hai thiên tử hào quang sáng rực tới đỉnh

lễ Như Lai, nghe pháp, ngộ lý vô sanh, chứng Tu-đà-hoàn, lễ tạ rồi bay về thiên cung. Ngài Anan thỉnh Phật cho đại chúng biết hai thiên tử đã tu hạnh gì mà được thân tướng trang nghiêm như thế.

- Thời Phật Ca Diếp, Phật Pháp đã diệt, có hai Bà-la-môn thọ Bát Quan Trai giới. Một người nguyện sanh lên trời nhưng vì giới phẩm không tròn nên đọa làm rồng, ở ngay tại quốc độ ấy. Ông kia cầu làm nhân vương. Vì giới phẩm tinh nghiêm nên mệnh chung như nguyện sanh vào cung vua làm thái tử. Lớn lên kế nghiệp vua cha, quốc gia thịnh trị thái bình. Một hôm, trong ngự uyển, một trái cây lạ, mùi thơm ngào ngạt, nổi lên trên mặt giếng. Quan coi vườn vội dâng vua. Vua ăn thấy ngon ngọt kỳ diệu, đòi nữa. Quan coi vườn thưa: “Đây không phải trái trong vườn mà từ nước giếng

nổi lên. Chỉ có một trái”. Vua cho là nói láo, nổi giận, dọa chém đầu. Quan về bờ giếng tủi thân ngồi khóc. Bỗng một con rồng ngóc đầu lên khỏi mặt giếng, nói tiếng người: “Thôi đừng khóc nữa. Ta dâng cho vua nhà ngươi một mâm trái cây. Vua phải cho ta bản kinh Bát Quan Trai. Hẹn 70 ngày mà không có, ta sẽ dâng nước ngập lụt khắp nơi cho vua quan nhà ngươi chết sạch”.

Vua hết sức lo rầu vì không tìm đâu ra kinh Bát Quan Trai để nộp cho rồng. Loan báo toàn dân biết quốc nạn. Một lão ông từ miền cao nguyên về triều đình, trình rằng: “Chùa làng có cây đa cổ thụ, lâu lâu hiển ánh sáng. Dân chúng lớn lên đã thấy việc này nên chẳng cho là lạ. Nay vua cầu báu hiếm, xin cho các quan về tìm ở đó xem sao”. Quả nhiên sau ba ngày cả nước khẩn cầu, người ta

tìm thấy trên cây đa, trong một cái hộc sâu, một hộp đá trong có cuốn Nghi Thức Thọ Giới Bát Quan Trai.

Vua bày hương án đón kinh, sai đại thần sao lại một bản. Rõng được kinh, như pháp tu hành, chuyển sanh được về cõi trời. Vua cũng được kinh, bắt tất cả nhân dân cùng tu trai pháp. Mệnh chung đồng về cõi trời, hai thiên tử ngày nay chính là hai Bà-la-môn thời Phật Ca Diếp.



Kể từ khi Kondadhana thọ giới Tỳ-kheo, mỗi khi ra đường, liền có một cô gái theo bèn gót. Ai ai cũng thấy. Đến nỗi thí chủ để bát cho Thầy, muông thứ nhất nói: Đây là phần ngài. Muông thứ hai nói: Đây là phần cô bạn ngài.

Đại chúng rất công phần, đã bạch Phật nhiều lần. Phật chỉ gạt đầu rồi bỏ

qua. Không thể chịu nổi, người ta yêu cầu trưởng giả Cấp Cô Độc can thiệp. Trưởng giả không dám. Không còn cách nào hơn, vua Ba Tư Nặc cho lính đột xuất bao vây tinh xá. Vua cho thỉnh Thầy ra nói chuyện. Rõ ràng cô gái đi theo sau. Vua không đành lẽ, mời Thầy trở vào phòng để được nói chuyện riêng với một mình Thầy. Nhưng cô gái cứ theo sau Thầy. Thầy vào trong phòng thì cô gái biến mất. Vua sai quân lính lục soát khắp trong ngoài phòng không thấy cô gái. Vua hỏi: “Bạch ngài, cô gái vừa đi sau ngài đâu rồi?”.

- Bần đạo chẳng thấy ai.

- Chính mắt trẫm thấy một phụ nữ đứng sau ngài mà!

- Bần đạo không biết.

Thầy bực mình trả lời rồi bỏ đi ra. Lập tức cô gái theo sau lưng Thầy. Vua

mời cả hai trở vào. Thầy vào phòng. Cô gái biến mất. Ba lần thử đều như vậy. Vua hiểu vì sao Phật không quả trách Kondadhana. Biết Thầy phải chịu lắm khó khăn vì rắc rối này, vua thỉnh Thầy từ nay vào cung để vua cúng dường khỏi đi khát thực.

Các Tỳ-kheo tức lắm, có người lớn tiếng quả trách. Từ xưa Thầy vẫn nhẫn nhịn đủ thứ sỉ nhục. Nay vì đã được vua Ba Tư Nặc thông cảm, Thầy liền đáp: “Chính các người phá giới”. Được dịp, các Tỳ-kheo liền cử tội hiềm mắng chúng Tăng. Phật nhóm chúng, kể rằng:

Thời Phật Ca Diếp, có hai Tỳ-kheo rất thân nhau. Ngày tự tứ, hai Thầy cùng về chúng. Một thiên tử cõi Dao Lợi khởi tâm trêu chọc. Chợt một Thầy đau bụng, bảo bạn đứng đợi rồi đi về bụi cây ở xa để đi sông. Công việc xong xuôi, Thầy từ

bụi cây đi ra. Cũng từ bụi cây ấy đi ra, liền sau gót Thầy, một cô gái, một tay vén tóc, một tay nắm quần, tựa hồ mới làm việc ân ái. Đợi vị Tỳ-kheo ở xa kia trông thấy đủ rồi, cô gái mới ẩn vào đám cây mà biến đi. Khi Thầy đi sông về đến nơi, Tỳ-kheo kia liền nói: Anh phá giới, anh vào bụi cây với gái, chính mắt tôi trông thấy.

- Thưa, tôi đau bụng đi sông. Bụi cây giữa đường làm gì có gái.

Rốt cuộc đôi bên không thể nhìn mặt nhau. Thiên tử vội hiện thân người đến nói sự thật. Hai Tỳ-kheo mới chịu cùng nhau tiếp tục đi dự lễ.

Tình nghịch chơi đùa một chút như thế, thiên tử đã phải vào địa ngục một kiếp. Cô phụ nữ ngày nay chỉ là dư báo. Kondadhana hãy cẩn thận! Chớ tạo thêm khẩu nghiệp nữa. Mạ nhục chúng Tăng

tội báo nặng lắm. Khổ mãi đến bao giờ mới xong. Phật nói kệ rằng:

Lời nói bất nhã sẽ có bất nhã đáp lại.

Đánh đập người sẽ bị đánh đập lại.

Giữ tâm bất động, im lặng như câm.

Mới hy vọng Niết-bàn!

Kondadhana sau chứng A-la-hán.



CÔNG ĐỨC TRÌ NĂM GIỚI

- Năm giới là nền tảng của tất cả pháp lành.

- Giàu sang, trường thọ, danh dự, lợi dưỡng, sanh thiên, thành Phật... chỉ việc trì năm giới ước nguyện gì cũng thành.

- Người trì năm giới, lâm chung, dao gió chẻ xương, cắt đứt gân mạch, vẫn không sợ hãi vì tự biết thanh tịnh.

- Đại ác bệnh, năm giới là thuốc.

Sợ hãi nguy hiểm, năm giới che chở.

Chết tối tăm, năm giới soi đường.

Biển khổ ác đạo, năm giới là cầu thuyền.

Già bệnh chết, chỉ nương giới định tuệ mà giải thoát.

- Không thân mạng, của báu dùng làm gì? Nên thân mạng quý hơn của báu. Nhưng bốn đại vô thường sẽ tan rã sau khi chết. Chỉ giới thể không mất.



Khách hỏi: Thế nào là ý Tổ từ Ấn Độ sang? Thiền sư Tánh Không đáp: Có người bị té xuống giếng sâu 1000 trượng, không một tắc dây cứu tế. Đợi người ấy lên, tôi sẽ trả lời.

Khách đem việc này thưa ngài Đàm Nguyên, được một lời quở: “Kẻ si, ai ở dưới giếng?”.

Sau đến Quy Sơn. Quy Sơn liền gọi: Huệ Tịch!

- Dạ!

– Ra rồi! Ra rồi!

Khách tỉnh ngộ: Tôi ở Đàm Nguyên được danh, ở Quy Sơn được thể.

Bình luận: Huệ Tịch đình ninh có người ở dưới giếng. Ngờ đâu bị gạt. Đàm Nguyên gỡ cho bảo: Kẻ si! Ai ở dưới giếng? Huệ Tịch nhận được lý không người dưới giếng mà chưa thật thấy mình. Đến câu “Ra rồi” mới vỡ lẽ.

(Trích Lá Bồ Đề của Hòa-thượng Thanh Từ.)

LỜI PHỤ: Chúng ta đã biết độc ác vào địa ngục. Bỏn sẻn tham lam phải làm quỷ đói. Ngu si tà kiến chịu thân bàng sanh. Phật dạy trì năm giới để được thân người, tu mười thiện được sanh lên trời.

Vào địa ngục là đi đường hỏa đồ, chịu nướng trong lò lửa, ninh trong vạc dầu.

Thân quý là đi đường đao đồ, đối xử với nhau quanh năm bằng dao gươm dùi gậy. Bàn sanh đi đường huyết đồ, ăn tươi nuốt sống lẫn nhau. Lại còn bị loài người phanh thây xé xác, chặt đầu mổ bụng.

Được thân người tương đối đỡ khổ nhưng vẫn già bệnh chết, sinh sống nhọc nhằn, ân ái biệt ly, oán thù gặp gỡ v.v... Được thân trời gọi là nơi sung sướng nghĩa là sáu căn suốt đời bị gây mê, đợi chờ 5 tướng suy xuất hiện để lại trở về luân hồi các nẻo.

Cứ mê muội nhận sắc thân báo chướng là mình. Nhận sáu trần do sáu căn chiếu ra là cảnh có thật ở bên ngoài. Nhận thức tình khổ vui (thọ), yêu ghét (tưởng), thiện ác (hành), phân biệt (thức) là tâm ta. Ngài Tánh Không gọi cái vô minh mê muội ấy là giếng sâu ngàn trượng. Không một sợi giây cứu tế vì chúng ta

vẫn ở trong hầm vực sanh tử đó từ vô thủy. Nào có nghĩ đến giải thoát! Cho nên Tổ Sư mới phải từ Ấn Độ qua Trung Hoa thông dây cứu vớt.

Đợi người ấy lên, tôi sẽ trả lời: Đợi khi nào ông tỉnh ra, ông sẽ tự biết. Hầm hố vô minh thật sâu nhưng không thật có. Đức Quán Tự Tại chiếu soi năm uẩn đều không, độ hết thủy khổ ách. *Người té:* Ngã chấp. *Xuống giếng:* Pháp chấp. Tu chứng rồi mới biết vô biên sanh tử từ vô thủy chỉ là giấc mộng đêm qua. Còn ở trong vô minh, chúng ta cứ đình ninh thân bốn đại là mình. Mừng giận yêu ghét là tâm ta. Nắng mưa vinh nhục là cảnh thật hiện tại của ta. Được ngài Đàm Nguyên đánh thức, Huệ Tịch ngộ được thân và giếng đều không. Nhưng phải đến Tổ Quy Sơn mới vỡ lẽ tánh Phật của mình bản lai vẫn viên thông tự tại.

Vì thế Tịnh-độ tông dạy niệm Nam mô A Di Đà Phật.

NIỆM: Nhớ đến không quên.

NAM MÔ: Quy y: quay về nương tựa.

A DI ĐÀ: Vô lượng quang, Vô lượng thọ, Vô biên công đức.

PHẬT: người đã hoàn mãn sự nghiệp giác tỉnh, không còn ở trong giấc mộng vô minh sanh tử. Cũng như đức Thích Ca, Phật A Di Đà đã thấy rõ bản lai chúng sanh nào cũng đủ đức tướng trí tuệ Như Lai. Nghĩa là ai cũng có tánh Phật (Vô Lượng Quang), không sanh không diệt (Vô Lượng Thọ), đều có khả năng thành Phật (Vô Biên Công Đức). Ngài phát 48 nguyện, đưa người niệm danh hiệu A Di Đà về cảnh giới bảo đảm quả vị Phật. Bởi vì nhận được tự tánh A Di Đà tức là: Ra rồi! Ra rồi!

Kinh A Di Đà chỉ đòi ở người tu một điều kiện là nhất tâm bất loạn, một lòng sống với tánh A Di Đà. Không còn loạn tưởng là không còn tư vương đến năm uẩn (căn trần thức sanh tử). Nhà Thiên gọi là đả tâm thành một phiền. Phải quyết định buông hẳn những mơ mộng sanh tử, chiếu soi năm uẩn thật sự là không, trở về hoàn toàn với căn bản trí. Lăng Nghiêm gọi là thấy nghe bằng căn bản Bồ-đề. Kinh Pháp Hoa gọi là Phật tri kiến.

Niệm Phật A Di Đà, cầm xâu chuỗi 108 hạt là tuyệt đối sống với thật tướng diệu minh vô sanh bất diệt, không còn ở trong 108 thọ cảnh của căn trần thức.

$$6 \text{ căn} + 6 \text{ trần} = 12 ;$$

$$12 \times 3 \text{ thọ (khổ, vui, si)} = 36 ;$$

$$36 \times 3 \text{ thời (quá khứ, hiện tại, vị lai)} = 108.$$

VĂN KẾT

*Dịch dịch châu chuyển,
Lãnh lãnh ngọc chân.*

Dịch dịch: Theo duyên chuyển động thì hạt châu chân tánh biến đủ bốn Thánh sáu phàm.

Lãnh lãnh: Lặng lẽ thanh nhàn. Nỗ phiền cùng từ lành đồng thể. Địa ngục rừng kiếm sánh với sắc bạch hào tướng quang. Quán Bát Nhã xét giả không thì tự an ổn. Tín ngưỡng chân không thì thấy được then chốt huyền vi của pháp giới.

Đức Địa Tạng nắm được ngọc chân rồi lại dịch dịch châu chuyển, đem diệu hữu độ quần mê:

Địa ngục chưa xong, thề chẳng thành Phật. Chúng sanh độ tận, mới chứng Bồ-đề.

Ai đọc kinh Địa Tạng cũng thấy rõ ràng Bồ-tát chỉ dùng hai pháp môn Ngũ giới và niệm Phật để dạy chúng sanh phá địa ngục chứng Bồ-đề.



LỄ VU LAN



Thế gian đặt ra ngày Thầy thuốc, ngày Thầy giáo, v.v... để nhắc con người nhớ đến bốn phận. Đức Phật đặt ra lễ Vu Lan để bốn chúng đệ tử nhớ đến cha mẹ ông bà, thân quyến âm dương, hiện đang còn ở trong vòng luân hồi sanh tử.

Vu Lan nói đủ là Vu Lan Bồn. Phiên âm từ chữ Ấn Độ Ullambana. Tàu dịch là Cứu Đảo Huyền, cứu cái khổ bị treo ngược để tra tấn ở trong địa ngục. Địa ngục có muôn ngàn hình phạt. Nay chỉ lấy một tướng khổ để nêu biểu.

Ngài Mục Kiền Liên hỏi cách nào thoát khổ? Phật đáp: “Chờ giờ Tự Tứ của chúng Tăng mà cúng dường”.

Như thế là chỉ liệt vị Tăng Ni, hiện hình của giới luật, mới có chìa khóa mở cửa địa ngục. Mà cũng chỉ những vị có an cư, có tự tứ nghĩa là như pháp, như lời Phật dạy, mới sử dụng được chìa khóa này.

Trong kinh Vu Lan, đức Phật đã đích xác gọi ngày chúng Tăng tự tứ là ngày mở cửa địa ngục. Việt Nam vâng Phật, gọi ngày rằm tháng 7 là ngày xá tội vong nhân. Tội địa ngục còn cứu được huống chi các tội khác.

Đức Thế Tôn đã giao cho tu sĩ chúng ta trách nhiệm nương pháp môn tự tứ để cứu khổ đảo huyền. Vậy chúng ta phải chân thành làm lễ tự tứ. Bản thân ba nghiệp cần cầu sám hối, thiết tha đỉnh lễ đại chúng cầu được chỉ lỗi. Được quả trách là được vàng ngọc. Vì cha mẹ, thí chủ do đây thoát địa ngục, ông bà cha mẹ mình do đây hưởng vạn sự bình an.

Ngày rằm tháng 7 là ngày xá tội vong nhân. Mười phương cõi âm chờ đợi. Còn cõi dương, ngày này có xá tội không?

- Chẳng biết ai đâu, chính tu sĩ chúng ta, nhân sám hối và tự tứ, chắc chắn được giải nghiệp báo. Cha mẹ chúng ta cùng các thí chủ là những người trồng cây và vun bón hẳn được hưởng quả lành.

Nhưng muốn đạt mục đích này, ba nghiệp chúng ta phải đúng pháp. Ngày đêm giới định tuệ phải trang nghiêm. Trên thực tế, vừa dăng tâm liền mất định. Mắt tai vừa tạp cảnh trần liền mất tuệ. Không định tuệ thì giới phẩm dễ sơ sót hàng ngày mà nào có hay.

Đầy chùa lễ vật cúng dường. Hàng Phật tử tại gia sốt sắng vâng lời Phật, mở hội Vu Lan. Liệu thí chủ có được như ý không? Nếu không thì chúng ta mắc nợ. Ai trả nổi nợ này cho chúng ta? Chúng ta phải biết

kính trọng ngày lễ Vu Lan. Tất cả bốn ân ba cõi pháp giới hữu tình đều trông mong một ngày này.

Lễ Vu Lan là ngày các tu sĩ đền ơn Phật Tổ, mãn nguyện Bồ-đề. Nhưng hạ căn chúng ta làm thế nào để có thể tát cạn biển trầm luân mộng mênh bát ngát? Đức Phật đại trí tuệ lẽ nào lại đặt lên vai chúng ta một gánh nặng đến nỗi chúng ta phải ngã quy? – Xin thưa, gáo để tát biển khổ Ta Bà là ba học Giới, Định, Tuệ. Nhận được tự tánh A Di Đà (Vô lượng quang, Vô lượng thọ) là Tuệ. Nhất tâm niệm Phật không loạn là định tuệ cân phân. Như thế, sống với căn bản Bồ-đề, hàng phục ý thức phan duyên là đủ cả thiên giới, vô lậu giới. Huống chi Ba-la-đề-mộc-xoa đức Phật đã để lại cả kho. Lịch đại Tổ Sư trải 2500 năm nối tiếp truyền trao đầy đủ. Các bậc Thầy hiện nay đang cạn kế tử mĩ giảng rõ từng sự

tướng phải giữ gìn. Nội quy xuất thế hàng năm cho chúng ta ba tháng an cư để chuyên ròng ôn tập giới luật. Lại đặt ra lễ tự tứ để nhờ cây những con mắt sáng chỉ cho bao thiếu sót. Bốn phạm làm đạo sư, Phật Tổ đã quả tình chu đáo. Nay chỉ còn phạm sự của chúng ta. Hãy cố gắng! Cố gắng dâng Phật một tác lòng thành! Việc này ai cũng làm được vì ai cũng có Tâm.

Lại nữa,

*Ngài Mục Liên đã được lục thông
Muốn cho cha mẹ khỏi vòng trầm luân.*

*Dùng tuệ nhãn dưới trên tìm kiếm,
Thấy vong mẫu sanh làm quỷ đói.
Vội đem cơm lòng hiếu kính dâng.
Ai ngờ đến miệng hóa than hồng.*

Phật mới bảo:

*Dầu ông thần lực nhiệm mầu,
Một mình không thể ai cầu được đâu.*

*Lòng hiếu thảo của ông dẫu lớn,
Tiếng vang đồn thấu đến cửu thiên.
Dù rằng các bậc thân kỳ,
Quý ma ngoại đạo, bốn vì thiên vương.
Cả ba cõi mười phương tụ tập
Cũng không sao cứu được mẹ người.
Muốn cho giải thoát tội này,
Phải nhờ thần lực của mười phương Tăng.*

Tăng có 3 ngôi:

1) Tánh tướng bất nhị, minh hợp vô vi là ngôi tối thượng như đức Thích Ca, đức Địa Tạng đã thành Phật mà vẫn hiện tướng tu sĩ đắp cà sa cầm tích trượng.

2) Thập Địa, Tam Hiền, Ngũ Quả, Tứ Hưởng là ngôi xuất thế như các Bồ-tát, liệt vị Tổ sư v.v...

3) Tỳ-kheo năm chúng hòa hợp vô tranh là ngôi trụ trì như các nam nữ tu sĩ đệ tử Phật.

Chữ Tăng nghĩa là một chúng từ bốn người trở lên. Bởi vì là một chúng nên lấy chữ Hòa làm căn bản. Ai phá sự hòa hợp của Tăng tội rất nặng.

Vậy hàng Phật tử khi dâng lễ Vu Lan, tâm nên tưởng đến mười phương Tăng mà vị trụ trì là đại diện. Sách nói: “Cung kính phàm Tăng liền được Thánh Tăng chứng minh”.

Cộng đồng đệ tử Phật dù Thánh dù phàm chỉ có một hoài bão tự giác giác tha. Đồng chí, đồng nguyện, đồng hạnh, các ngài là những đám mây Từ đi rải mưa pháp khắp các địa cầu, chuyển trăm họ tội lỗi thành thanh sạch. Rưới tắt lửa thiêu hỏa trạch, cùng nhau khóa tan sông mê biển ái. Dùng tịnh duyên đưa vạn loài đi lên.

Cây quế sanh ở non cao, sương phủ như mưa không ướt nổi cánh hoa. Sen mọc trên

nước, bụi bay không thể làm như ngọn lá. Đây là nhờ trợ duyên cao thượng nên chẳng bị vật hèn ô lụy. Nhưng cũng bởi tánh quế vốn kiên trinh, tánh sen vốn khiết sạch nên mới duyên phước khánh mà thêm phước khánh. Tam-bảo sở dĩ có thể rộng cứu vớt hàm linh, ân thấu tận xương khô, đức thấm tận côn trùng, oai linh ngửa lên không thể ai hơn, thần lực cúi xuống không bỏ con sâu cái kiến. Chỉ vì đã khám phá ra thể chất bình đẳng, không sanh không diệt, diệu minh bất động chu viên của vạn loài muôn pháp.

Nắm được giềng mối càn khôn thì đâu chỉ tát cạn một đại dương mà còn vẫn xoay cả vũ trụ. Vô lượng thọ, ngàn kiếp không cũ không mới. Vô lượng quang, diệu tánh tịch huyền, ta cứ vâng theo sẽ tới nơi tới chốn. Phật Pháp vô thượng thậm thâm cao tít mù xanh nhưng đã có giáo điển làm

thang bắc ngay trên mặt đất cho chúng ta leo dần:

Bởi vì ngã và ngã sở là nhà của năm ám. Trí Bát Nhã chiếu soi năm ám là không, phá tận gốc ngã chấp pháp chấp. Sáu căn tham thọ sáu trần khiến ngã ái, từ lịch kiếp, sừng sững như bức tường, sát na sát na tô đắp thêm dày thêm cao.

Đắp móng xây nền cho Ngã là Tướng. Tướng đã không thì Ngã sao tồn. Danh (vọng tâm) hệ trói uẩn. Biết danh là giả thì uẩn không chỗ gá. Rõ ràng thế tục đang ngổn ngang rối rít trên bất động. Phàm ngu đang vào ra sanh tử ở vô sanh. Từ hang rộng vang ra trăm thứ âm thanh. Gương vẫn bình lặng chiếu soi vạn tượng. Đặt nơm, cốt để bắt cá. Cá bắt được rồi, nơm trở thành vô dụng. Quyền giáo đặt ra cho phàm phu chúng ta giác tỉnh bốn đảo, nhị thừa giác tỉnh bốn đảo. Đảo kiến đã

trở thành chánh kiến thì từ nay chỉ dùng nhất thừa mà tự độ, độ tha quy vô sở đắc. Giả có dẹp sạch thì bốn quang của Thật mới rực rỡ. Quy củ tiêu chuẩn đã thi hành thì diệu đạo về sau sẽ an lập. Những ai là bậc đại tâm pháp khí, đã phát nguyện phụng sự Tam-bảo, hãy suy xét kỹ càng, không kinh không sợ, cứ thông thả đi dần, từ thấp bước lên. Nghiên cứu Phật pháp cho tinh tường, y giới luật mà tự độ, độ tha vững vàng chắc chắn.

Tổ Châu Hoằng ở chùa Vân Thê tới cầu pháp ngài Biện Dung, được dạy: “Người nên giữ bốn phạm. Không cầu danh lợi, đừng chạy theo duyên ngoài. Cần phân minh lý nhân quả, một lòng niệm Phật”.

Các bạn đồng hành cười: “Từ ngàn dặm đến đây mong nghe giáo nghĩa cao huyền, té ra chỉ được một câu mà ai cũng đã biết”.

Châu Hoàng đáp: “**Đây mới là chỗ hay của Thiền sư. Biết ta từ ngàn dặm tới nên không nỡ nói huyền nói diệu để lẩn lướt lòn người cầu học. Chỉ thật thà giản dị đem điều tinh yếu chính mình đã thể nhận để dặn dò**”.

Chẳng phải bậc đã từng kinh nghiệm như ngài Biện Dung không thể có lời dạy này.

Chẳng phải bậc chân tu như Tổ Châu Hoàng đâu biết lãnh thọ lời dạy này.



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 04-37822845 – Fax: (04).37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập

NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Sửa bản in: Chùa Dược Sư

Trình bày: CẨM HÀ

Bìa: KHÁNH CHI

Đơn vị liên kết:

CHÙA DƯỢC SƯ

thôn Phú An, xã Phú Hội,

huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Số lượng in 1000 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm. In tại Xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh. Số ĐKXB: 3275-2016/CXBIPH/07-173/TG. Mã ISBN: 978-604-61-4094-8. QĐXB số 688/QĐ-NXBTG ngày 17 tháng 10 năm 2016. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2016.